

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 – 4 – 2021  
V/v không công nhận  
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Thanh

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T

Địa chỉ: Ấp TT, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Ấp VL, xã VB, huyện CL, tỉnh Bến Tre – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T tự khai như sau: Bà và ông Nguyễn Văn T qua tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2013. Đến nay, bà T thấy không thể hàn gắn được với ông T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Thị Tuyết H (nữ) sinh năm 1993; Nguyễn Minh T (nam) sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồng N (nữ) sinh năm 1997. Cả ba con chung đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải

quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Nguyễn Văn T tự khai như sau: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về quá trình dẫn đến hôn nhân và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông và bà T chung sống như vợ chồng từ năm 1991. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, ông và bà T sống ly thân từ năm 2013. Nay bà T yêu cầu được ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có ba con chung là Nguyễn Thị Tuyết H (nữ) sinh năm 1993; Nguyễn Minh T (nam) sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Hồng N (nữ) sinh năm 1997. Cả ba con chung đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà Thu và ông Tiền vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Văn T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đoàn Thị T, bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Thu và ông Tiền.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy bà T và ông T chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của bà T và ông T không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Các đương sự khai thống nhất ba con chung đều đã thành niên và không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0007483 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà T đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chúc Linh**